

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	13-14
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	15-48
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	16-17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	18
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	19-20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21-22
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	23-48

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 03 năm 2018. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Cẩm Chi	Chủ tịch
Bà: Lưu Thị Thúy	Thành viên
Bà: Trần Thu Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư
Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 04 tháng 01 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Cẩm Chi
Chủ tịch Ban đại diện

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (“Quỹ”) là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ giảm 0,57% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 3,45% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

- Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng các công cụ nợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như sau: Các loại trái phiếu chính phủ; trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán; trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết theo quy định của pháp luật; chứng chỉ tiền gửi; hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác;
- Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá phân tích tổ chức phát hành, và diễn biến của trái phiếu trước tác động của khuynh hướng thị trường;
- Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những chuyển động của thị trường trái phiếu để phân bổ tỷ trọng trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ nợ khác và tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo khả năng thanh khoản của Quỹ;
- Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tài sản tùy theo điều kiện thị trường và tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có. Định hướng quỹ sẽ đầu tư 100% tài sản của quỹ vào tài sản có thu nhập cố định và không đầu tư cổ phiếu, tuy nhiên có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, tiền gửi, và các công cụ tiền tệ khác, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ nợ do các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- Tài chính - ngân hàng;
- Viễn thông;
- Dịch vụ và hàng tiêu dùng;
- Y tế và giáo dục;
- Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó cổ phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định pháp luật; Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
 - + Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - + Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro;
 - + Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
 - Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
 - Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK; Giấy chứng nhận điều chỉnh số 07/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 17 tháng 08 năm

Quỹ đầu tư trái phiếu MB là quỹ công chúng dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 164.062.567.200 VND, tương đương với 16.406.256,72 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 276.595.673.500 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ**

	30/06/2026	30/06/2025	30/06/2024
	%	%	%
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	0,40%	2,80%	8,54%
2. Danh mục chứng khoán	75,82%	68,46%	80,00%
3. Tài sản khác	23,78%	28,74%	11,46%
	100%	100%	100%

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	DVT	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
Giá trị tài sản ròng của Quỹ VND		276.595.673.500	266.256.455.991	228.767.970.202
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành CCQ		16.406.256,72	16.890.648,11	15.628.250,91
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ VND		16.859	15.764	14.638
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ VND		16.859	15.764	14.638
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ VND		16.309	15.215	14.058
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ %		3,45%	3,63%	4,16%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		0,01%	-0,06%	0,10%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		3,44%	3,69%	4,06%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ %		1,48%	1,51%	1,56%
Tốc độ vòng quay danh mục %		16,72%	11,94%	30,82%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ %	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm %
1 năm đến thời điểm báo cáo	6,95%	6,95%
3 năm đến thời điểm báo cáo	25,42%	7,84%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	68,59%	6,52%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	3,45%	3,61%	4,13%	6,18%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô**

GDP quý II năm 2026 tăng khoảng 8.39% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7.94% của quý I năm 2026 và cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, CPI bình quân tăng 4.38% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến cuối tháng 6 năm 2026, FDI đăng ký đạt 34.65 tỷ USD, tăng 61.0% so với cùng kỳ năm 2025, FDI giải ngân tăng 11.20% lên 13.03 tỷ USD.

Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt khoảng 320,000 tỷ đồng, hoàn thành khoảng 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 6 năm 2026 giảm nhẹ xuống 51.80 điểm từ mức 52.80 điểm của tháng 5 năm 2026.

Dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến cuối tháng 6 năm 2026 tăng trưởng khoảng 9.90% so với cuối năm trước, cho thấy tín dụng tiếp tục được mở rộng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2026 nhập siêu khoảng 15.40 tỷ USD.

3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị Trái phiếu chính phủ phát hành thông qua đấu thầu trong 6 tháng đầu năm 2026 là 182,386 tỷ đồng, đạt 36.50% kế hoạch cả năm (500,000 tỷ đồng). Trong đó, giá trị Trái phiếu chính phủ phát hành trong quý II đạt 93% kế hoạch quý (110,000 tỷ đồng).

Lợi suất Trái phiếu chính phủ Việt Nam có xu hướng tăng ở tất cả các kỳ hạn.

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, trong 6 tháng đầu năm 2026, giá trị phát hành riêng lẻ Trái phiếu doanh nghiệp là 187,915 tỷ đồng và giá trị phát hành ra công chúng là 24,833 tỷ đồng.

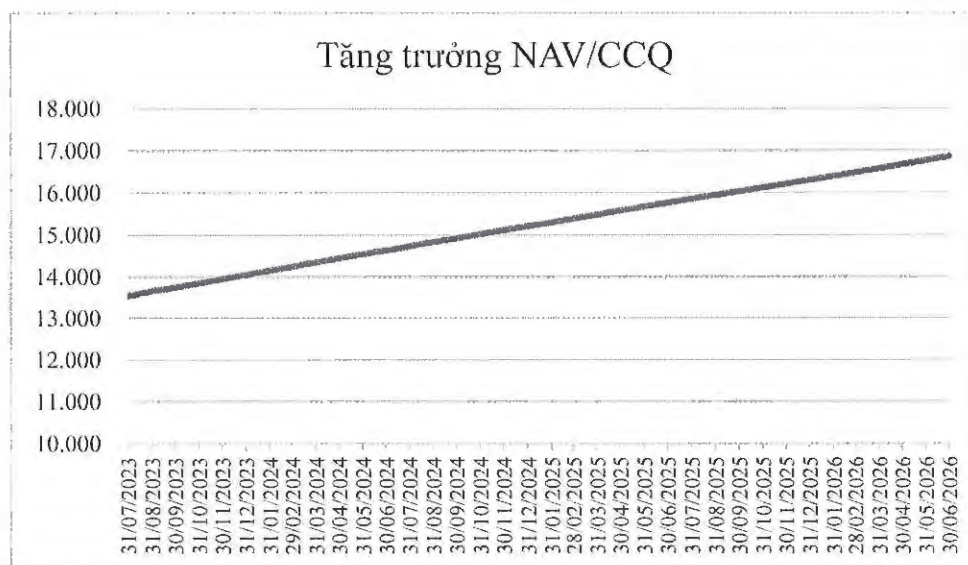
4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo %	3 năm đến thời điểm báo cáo %	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo %
Tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị CCQ	6,98%	25,59%	49,47%
Tăng trưởng vốn / 1 đơn vị CCQ	-0,04%	-0,17%	19,12%
Tổng tăng trưởng / 1 đơn vị CCQ	6,95%	25,42%	68,59%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	6,95%	7,84%	6,52%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/06/2026	30/06/2025	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	276.595.673.500	266.256.455.991	3,88%
Giá trị tài sản ròng/ 1 đơn vị CCQ	16.859	15.764	6,95%

4.2 . Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	10.847	2.600.701,26	15,85%
Từ 5.000 đến 10.000	242	1.747.969,37	10,65%
Từ trên 10.000 đến 50.000	74	1.425.670,15	8,69%
Từ trên 50.000 đến 500.000	12	1.314.984,52	8,02%
Trên 500.000	2	9.316.931,42	56,79%
	11.177	16.406.256,72	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng GDP tích cực cùng các chỉ tiêu vĩ mô ổn định trong 6 tháng đầu năm 2026 sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn trung, dài hạn. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao, thị trường trái phiếu được kỳ vọng sẽ tiếp tục được thúc đẩy nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp nhiều khả năng sẽ duy trì đà phục hồi trong nửa cuối năm 2026. Trái phiếu ngân hàng vẫn là nhóm phát hành chủ đạo, trong khi doanh nghiệp bất động sản, chứng khoán và sản xuất được kỳ vọng gia tăng huy động vốn. Lãi suất phát hành dự kiến duy trì ở mức cao, phù hợp với xu hướng tăng của mặt bằng lãi suất trên thị trường.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có gần 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

Bà Bùi Thị Trang Nhung
Giám đốc Đầu tư

Bà Bùi Thị Trang Nhung có trên 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Cẩm Chi hiện giữ chức Phó Tổng Giám đốc, Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD). Bà Chi có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính. Bà Chi hiện là thành viên kỹ cịn Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (FCCA).

Bà Lưu Thị Thúy
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Lưu Thị Thúy có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, chứng khoán và đầu tư. Bà Thúy đã từng giữ chức vụ quản lý cấp cao của Khối Ngân hàng đầu tư Techcombank. Bà Thúy là thành viên hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Bà Trần Thu Lan

*Thành viên Ban Đại diện
Quỹ*

Bà Trần Thu Lan tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Hành chính - Tư Pháp tại Đại học Luật Hà Nội, thạc sỹ chuyên ngành Luật dân sự tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp lý, kiểm soát tuân thủ, quản trị điều hành doanh nghiệp. Bà Lan gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) kể từ năm 2009 và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Trợ lý pháp chế HĐQT của MB.



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư trái phiếu MB cho kỳ tài chính bán niên năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Với sự hiểu biết của chúng tôi trong kỳ tài chính Quỹ đầu tư trái phiếu MB đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Tại các kỳ định giá trong kỳ tài chính, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư đã phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá từ ngày 05/01/2026 đến 01/07/2026 tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ (mã trái phiếu: NVL122001) vượt quá hạn mức tối đa 20%, chưa đảm bảo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 22/11/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

- Tại các kỳ định giá từ ngày 05/01/2026 đến 01/07/2026 tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu vượt 30% tổng tài sản (mã trái phiếu: NVL122001), chưa đảm bảo quy định tại điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 07/12/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch nhưng quỹ vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đầu tư trái phiếu MB đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong Kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Mỹ Linh

Nguyễn Quỳnh Vân

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý Đầu tư Trái phiếu MB

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được lập ngày 29 tháng 07 năm 2026, từ trang 15 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thông tin Ghi chú tại Báo cáo Danh mục Đầu tư và Thuyết minh số 2.6 của Báo cáo tài chính giữa niên độ trong đó mô tả về nguyên tắc, phương pháp định giá các trái phiếu niêm yết theo Sổ tay định giá, Điều lệ của Quỹ và hạn mức đầu tư của Quỹ.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, 30 tháng 07 năm 2026



BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		11.570.582.901	10.853.983.207
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	11.480.849.411	10.405.801.507
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	119.050.835	596.072.629
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	(56.360.976)	-
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	27.043.631	(147.890.929)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		9.889.360	-
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	9.889.360	-
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.063.919.608	1.903.101.255
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		1.666.707.560	1.495.717.354
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		94.714.574	91.991.077
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		79.200.000	79.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		22.315.100	32.232.866
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	68.982.374	71.959.958
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		9.496.773.933	8.950.881.952
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		9.496.773.933	8.950.881.952
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		9.469.730.302	9.098.772.881
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		27.043.631	(147.890.929)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		9.496.773.933	8.950.881.952


 Nguyễn Thị Minh Lê
 Người lập


 Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng



 Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	1.120.403.891	21.158.377.418
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		1.120.403.891	1.158.377.418
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		-	20.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	210.281.624.155	201.341.214.124
121	2.1 Các khoản đầu tư		210.281.624.155	201.341.214.124
121	2.1.1 Các khoản đầu tư trái phiếu		210.281.624.155	201.341.214.124
130	3. Các khoản phải thu	11	65.962.903.765	56.236.150.012
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		65.868.023.543	56.236.150.012
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		65.868.023.543	56.236.150.012
137	3.3 Phải thu khác		94.880.222	-
100	TỔNG TÀI SẢN		277.364.931.811	278.735.741.554
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý Quỹ		41.735.343	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		8.083.213	-
316	3. Chi phí phải trả	12	35.794.617	30.000.027
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	13	260.547.439	192.496.032
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	14	98.322.599	25.084.126
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	15	324.775.100	320.600.288
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		769.258.311	568.180.473
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	16	276.595.673.500	278.167.561.081
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		164.062.567.200	170.687.393.400
412	1.1 Vốn góp phát hành		5.250.214.909.500	5.229.409.047.900
413	1.2 Vốn góp mua lại		(5.086.152.342.300)	(5.058.721.654.500)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(67.209.997.971)	(62.766.162.657)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	179.743.104.271	170.246.330.338
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		16.859	16.297

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mẫu số B02g-QM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21	16.406.256,72	17.068.739,34

Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên

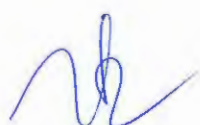
Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm		278.167.561.081	243.572.096.406
II.	Thay đổi NAV trong năm		9.496.773.933	8.950.881.952
	Trong đó:		-	-
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm		9.496.773.933	8.950.881.952
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm		-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)		(11.068.661.514)	13.733.477.633
			-	-
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ		34.414.395.578	47.033.105.087
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ		45.483.057.092	33.299.627.454
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (IV= I+II+III)		276.595.673.500	266.256.455.991


Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởngGiang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 30/06/2026 VND	VND	Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Trái phiếu				
1.	NVL122001 (*)	1.733.333	100.053,35	173.425.776.524	62,53%
2.	NLG12501	219	99.798.391	21.855.847.631	7,88%
3.	VDS12504	150	100.000.000	15.000.000.000	5,41%
	Tổng	1.733.702		210.281.624.155	75,82%
II	Các tài sản khác				
1	Dự thu lãi trái phiếu			65.868.023.543	23,75%
2	Phải thu khác			94.880.222	0,03%
	Tổng			65.962.903.765	23,78%
III	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			1.120.403.891	0,40%
	Tổng			1.120.403.891	0,40%
IV	Tổng giá trị danh mục			277.364.931.811	100%

Ghi chú:

(*) Giá trị hợp lý của trái phiếu NVL122001 tại ngày 30/06/2026:

Mã trái phiếu NVL122001 có giao dịch trong 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá nhưng giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là 56.333,25 VND/trái phiếu (tương đương với giá trị trái phiếu Quỹ nắm giữ là: 97.644.282.460 VND) có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất là 100.053,35 VND/trái phiếu nên giá trị hợp lý được định giá theo giá mua cộng lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá theo Sổ tay định giá và Điều lệ quỹ với giá trị là 100.053,35 VND/trái phiếu (tương đương với giá trị trái phiếu Quỹ nắm giữ là: 173.425.776.524 VND). Giá trị trái phiếu chênh lệch giữa giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá theo sổ tay định giá là 75.781.494.064

Tại một số thời điểm có phát sinh sai lệch so với Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá tài sản ròng từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026 tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ (mã trái phiếu: NVL122001) vượt quá hạn mức tối đa 20%, quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 22/11/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch tỷ lệ này cũng như tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và thời điểm phát hành báo cáo này, Quỹ đã thực hiện biện pháp để khắc phục nhưng vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(tiếp theo)

- Tại các kỳ định giá giá trị tài sản ròng từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026 tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu vượt 30% tổng tài sản của Quỹ (mã trái phiếu: NVL122001), quy định tại điểm d khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và sửa đổi bổ sung tại khoản 6 điều 17 Thông tư 136/2025/TT-BTC. Sai lệch này phát sinh từ ngày 07/12/2022 và đã quá 3 tháng kể từ thời điểm phát sinh sai lệch tỷ lệ này cũng như tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và thời điểm phát hành báo cáo này, Quỹ đã thực hiện biện pháp để khắc phục nhưng vẫn chưa điều chỉnh được cơ cấu danh mục.

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh (CNVSD) thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần 01, số: 16/2022/GCNTPDN-VSD-1 ngày 19/07/2023 do tổ chức đăng ký là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu. Theo Công văn số 210/2025-CV-NVLG của Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc No Va ngày 02/07/2025 công bố thông tin về thay đổi một số điều kiện, điều khoản của trái phiếu gồm một số nội dung như sau:

- Ngày đáo hạn: 20/07/2028 (ngày đáo hạn trước đây là: 20/07/2023, thay đổi lần 01 là ngày: 20/07/2025);
- Phương thức thanh toán gốc: Thanh toán một lần bằng chuyển khoản vào ngày đáo hạn mới (tức ngày 20/07/2028) hoặc vào ngày mà các trái phiếu được mua lại trước hạn theo các trường hợp quy định tại các điều khoản và điều kiện trái phiếu tại Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu số 02/2021/BHA/NVLG-TCBS ngày 31/08/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương;
- Tiền lãi đối với giai đoạn từ ngày 20/04/2023 đến ngày đáo hạn mới (ngày 20/07/2028): Áp dụng cho kỳ tính lãi thứ 6, kỳ tính lãi thứ 7 và kỳ tính lãi thứ 8: Với lãi suất là 11,5%/năm cho cả giai đoạn, lãi sẽ được thanh toán sau và được thanh toán tại ngày đáo hạn mới (ngày 20/07/2028) hoặc ngày trái phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.

Tính đến thời điểm 30/06/2026, tổng giá trị đảm bảo cho toàn bộ lô trái phiếu NVL122001 là 1.820.426.301.870 VND, bao gồm: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va; Động sản và quyền tài sản Dự án Tổ hợp Khu du lịch Thung Lũng Đại Dương và Động sản quyền tài sản dự án phân khu C thuộc dự án Novaworld Phan Thiết, trong đó số lượng trái phiếu do Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB đang nắm giữ chiếm 13,33% lô trái phiếu này.

Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(52.706.199.085)	(46.644.844.995)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		42.687.092.476	15.000.000.000
04	4. Tiền lãi đã thu		3.017.405.948	1.841.864.266
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(2.053.950.206)	(1.846.911.892)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(9.889.360)	-
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		(94.880.222)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.160.420.449)	(31.649.892.621)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		34.482.446.985	47.792.920.467
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(45.360.000.063)	(33.264.545.849)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.877.553.078)	14.528.374.618
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(20.037.973.527)	(17.121.518.003)
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	9	21.158.377.418	24.623.132.103
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		21.158.377.418	24.623.132.103
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		20.940.797.260	24.073.222.705
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		20.000.000.000	23.300.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		940.797.260	773.222.705
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		217.580.158	549.909.398

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	9	1.120.403.891	7.501.614.100
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		1.120.403.891	7.501.614.100
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		761.554.722	6.176.544.731
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		-	5.200.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		761.554.722	976.544.731
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		358.849.169	1.325.069.369
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		(20.037.973.527)	(17.121.518.003)


 Nguyễn Thị Minh Lê
 Người lập


 Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng



 Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB (trước đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 11/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 02 năm 2018 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 03 năm 2018. Ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận số 07/GCN-UBCK về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng, chuyển đổi Quỹ Đầu tư Tăng trưởng MB Capital thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 64.178.972.500 VND, tương đương với 6.417.897,25 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 164.062.567.200 VND, tương đương với 16.406.256,72 chứng chỉ quỹ (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 170.687.393.400 VND, tương đương với 17.068.739,34 chứng chỉ quỹ).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 04 tháng 01 năm 2018.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định được phát hành tại Việt Nam.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Đầu tư tối thiểu tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của quỹ vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán,
 - (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định pháp luật;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
 - (vi) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;
 - (vii) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

- e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- g) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư trái phiếu MB;
- h) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- j) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại điểm b, c, d, e, h và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ, cụ thể:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
3.	Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế từ thời điểm mua tính tới ngày trước ngày định giá.

Trái phiếu		
4.	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng với lãi lũy kế; Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường, giá được sử dụng là một trong các mức giá sau: - Giá mua cộng lãi lũy kế; - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. Biến động bất thường được quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (là giá có chênh lệch tương đối cao hơn hoặc thấp hơn 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất);
5.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối”.

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc nêu tại Thuyết minh số 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,2%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,2\% * \text{Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch vụ Ngân hàng Giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,06%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng (nếu có) bao gồm giá cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Tiền thiết lập, duy trì thông tin, tiền kết nối, tiền cung cấp thông tin được miễn. Mức giá trên chưa bao gồm các tiền khác như tiền gửi thư cho nhà đầu tư, tiền lập danh sách thực hiện quyền, tiền cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được phân bổ hàng kỳ vào mỗi kỳ định giá.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được thay thế bởi Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . CỐ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi trái phiếu	11.480.849.411	10.405.801.507
	11.480.849.411	10.405.801.507

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	79.927.547	307.456.191
Lãi chứng chỉ tiền gửi	39.123.288	288.616.438
	119.050.835	596.072.629

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Kỳ này		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ VND
Trái phiếu niêm yết	38.312.256.285	38.367.097.261	(54.840.976)
Chứng chỉ tiền gửi	4.000.000.000	4.001.520.000	(1.520.000)
	42.312.256.285	42.368.617.261	(56.360.976)
	Kỳ trước		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ VND
Chứng chỉ tiền gửi	15.000.000.000	15.000.000.000	-
	15.000.000.000	15.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Kỳ này				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2026 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2026 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại 30/06/2026 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	173.425.776.524	173.425.776.524	-	(108.872.537)	108.872.537
Trái phiếu chưa niêm yết	36.937.676.537	36.855.847.631	(81.828.906)	-	(81.828.906)
	<u>210.363.453.061</u>	<u>210.281.624.155</u>	<u>(81.828.906)</u>	<u>(108.872.537)</u>	<u>27.043.631</u>
	Kỳ trước				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại 30/06/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	183.432.876.524	183.444.272.609	11.396.085	159.287.014	(147.890.929)
	<u>183.432.876.524</u>	<u>183.444.272.609</u>	<u>11.396.085</u>	<u>159.287.014</u>	<u>(147.890.929)</u>

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phí giao dịch các khoản đầu tư	9.889.360	-
	<u>9.889.360</u>	<u>-</u>

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phí ngân hàng	502.884	1.001.074
Phí quản lý thường niên	2.479.490	4.958.884
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	66.000.000	66.000.000
	<u>68.982.374</u>	<u>71.959.958</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	761.554.722	940.797.260
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	260.526.570	192.496.032
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	98.322.599	25.084.126
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	20.000.000.000
	<u>1.120.403.891</u>	<u>21.158.377.418</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại				
	Giá trị trường hoặc		Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026					
Trái phiếu niêm yết	173.425.776.524	173.425.776.524	-	-	173.425.776.524
Trái phiếu chưa niêm yết	36.937.676.537	36.855.847.631	-	(81.828.906)	36.855.847.631
	<u>210.363.453.061</u>	<u>210.281.624.155</u>	<u>-</u>	<u>(81.828.906)</u>	<u>210.281.624.155</u>
Tại ngày 01/01/2026					
Trái phiếu niêm yết	186.450.086.661	186.341.214.124	-	(108.872.537)	186.341.214.124
Trái phiếu chưa niêm yết	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
	<u>201.450.086.661</u>	<u>201.341.214.124</u>	<u>-</u>	<u>(108.872.537)</u>	<u>201.341.214.124</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	65.636.239.432	56.091.362.338
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong năm	231.784.111	82.191.782
Dự thu lãi tiền gửi	-	62.595.892
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	94.880.222	-
	65.962.903.765	56.236.150.012

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí kiểm toán	22.315.127	22.500.027
Chi phí quản lý thường niên	2.479.490	7.500.000
Chi phí phải trả thù lao cho ban đại diện quỹ	11.000.000	-
	35.794.617	30.000.027

13 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	260.547.439	192.496.032
	260.547.439	192.496.032

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	98.322.599	25.084.126
	98.322.599	25.084.126

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán.

15 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý	274.236.283	283.273.481
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	15.338.817	15.326.807
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	-
	324.775.100	320.600.288

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

16 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	Phát sinh	30/06/2025
	VND	trong kỳ	VND
Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	516.136.996,77	3.034.355,35	519.171.352,12
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	12.641	15.500	12.658
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.161.369.967.700	30.343.553.500	5.191.713.521.200
Thặng dư vốn	1.363.138.272.883	16.689.551.587	1.379.827.824.470
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	6.524.508.240.583	47.033.105.087	6.571.541.345.670
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	500.124.749,93	2.155.954,08	502.280.704,01
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.863	15.445	12.874
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.001.247.499.300	21.559.540.800	5.022.807.040.100
Thặng dư vốn	1.431.942.951.974	11.740.086.654	1.443.683.038.628
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	6.433.190.451.274	33.299.627.454	6.466.490.078.728
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	16.012.246,84	878.401,27	16.890.648,11
Giá trị vốn góp hiện hành	91.317.789.309	13.733.477.633	105.051.266.942
Lợi nhuận chưa phân phối	152.254.307.097	8.950.881.952	161.205.189.049
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	243.572.096.406		266.256.455.991
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	15.212		15.764
	31/12/2025	Phát sinh	Số cuối kỳ
	VND	trong kỳ	VND
Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	522.940.904,79	2.080.586,16	525.021.490,95
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	12.682	16.541	12.697
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.229.409.047.900	20.805.861.600	5.250.214.909.500
Thặng dư vốn	1.402.474.456.796	13.608.533.978	1.416.082.990.774
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	6.631.883.504.696	34.414.395.578	6.666.297.900.274
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	505.872.165,45	2.743.068,78	508.615.234,23
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.896	16.581	12.916
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.058.721.654.500	27.430.687.800	5.086.152.342.300
Thặng dư vốn	1.465.240.619.453	18.052.369.292	1.483.292.988.745
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	6.523.962.273.953	45.483.057.092	6.569.445.331.045
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	17.068.739,34	(662.482,62)	16.406.256,72
Giá trị vốn góp hiện hành	107.921.230.743	(11.068.661.514)	96.852.569.229
Lợi nhuận chưa phân phối	170.246.330.338	9.496.773.933	179.743.104.271
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	278.167.561.081		276.595.673.500
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	16.297		16.859

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

17 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện	179.824.933.177	170.355.202.875
Lợi nhuận chưa thực hiện	(81.828.906)	(108.872.537)
	179.743.104.271	170.246.330.338

18 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	1,48%	1,51%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	16,72%	11,94%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động x 2 x 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

19 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
1	01/01/2025	243.572.096.406	16.012.246,84	15.212	
2	02/01/2025	243.622.163.580	16.012.246,84	15.215	3
3	03/01/2025	243.941.903.310	16.029.971,40	15.218	3
4	06/01/2025	244.308.241.933	16.044.178,00	15.227	9
5	07/01/2025	243.865.305.080	16.011.804,88	15.230	3
6	08/01/2025	243.853.099.403	16.013.836,96	15.228	(2)
7	09/01/2025	243.308.957.782	15.974.858,47	15.231	3
8	10/01/2025	243.190.927.298	15.963.823,01	15.234	3
9	13/01/2025	243.228.365.634	15.956.512,04	15.243	9
10	14/01/2025	243.467.528.524	15.968.923,04	15.246	3
11	15/01/2025	243.578.694.926	15.972.935,82	15.249	3
12	16/01/2025	243.237.698.699	15.947.295,60	15.253	4
13	17/01/2025	243.306.138.186	15.948.505,24	15.256	3
14	20/01/2025	242.814.976.175	15.906.589,74	15.265	9
15	21/01/2025	243.013.595.844	15.916.386,50	15.268	3
16	22/01/2025	242.744.571.422	15.895.551,28	15.271	3
17	23/01/2025	242.796.624.442	15.895.745,92	15.274	3
18	24/01/2025	243.239.500.417	15.921.528,99	15.277	3
19	29/01/2025	244.186.441.449	15.967.179,06	15.293	16
20	03/02/2025	244.335.591.947	15.967.179,06	15.302	9
21	03/02/2025	244.434.823.985	15.967.179,06	15.309	7
22	04/02/2025	244.908.156.171	15.994.857,48	15.312	3
23	05/02/2025	246.048.322.344	16.066.081,43	15.315	3
24	06/02/2025	246.353.753.254	16.082.788,59	15.318	3
25	07/02/2025	246.819.401.346	16.109.957,91	15.321	3
26	10/02/2025	247.731.865.168	16.159.820,02	15.330	9
27	11/02/2025	248.622.278.360	16.214.675,13	15.333	3
28	12/02/2025	248.744.027.015	16.219.387,90	15.336	3
29	13/02/2025	248.771.237.049	16.217.935,98	15.339	3
30	14/02/2025	249.047.778.698	16.230.745,54	15.344	5
31	17/02/2025	249.095.276.800	16.224.170,02	15.353	9
32	18/02/2025	249.462.482.117	16.244.866,37	15.356	3
33	19/02/2025	249.887.923.260	16.269.351,60	15.359	3
34	20/02/2025	249.441.910.257	16.237.092,43	15.362	3
35	21/02/2025	249.483.872.955	16.236.636,04	15.365	3
36	24/02/2025	244.712.094.975	15.916.482,68	15.375	10
37	25/02/2025	244.882.535.121	15.927.726,37	15.375	-
38	26/02/2025	245.304.549.703	15.951.860,51	15.378	3
39	27/02/2025	245.446.807.292	15.957.851,56	15.381	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
40	28/02/2025	245.601.868.575	15.964.674,29	15.384	3
41	03/03/2025	245.792.081.345	15.973.801,13	15.387	3
42	03/03/2025	245.892.720.024	15.973.801,13	15.394	7
43	04/03/2025	246.650.184.008	16.013.655,98	15.402	8
44	05/03/2025	247.002.602.089	16.033.271,41	15.406	4
45	06/03/2025	246.997.967.075	16.029.710,98	15.409	3
46	07/03/2025	247.028.056.121	16.028.400,05	15.412	3
47	10/03/2025	247.176.720.300	16.028.258,98	15.421	9
48	11/03/2025	247.408.739.478	16.040.044,48	15.424	3
49	12/03/2025	247.735.094.582	16.057.944,28	15.428	4
50	13/03/2025	248.097.967.611	16.084.427,94	15.425	(3)
51	14/03/2025	248.787.137.457	16.125.850,34	15.428	3
52	17/03/2025	248.908.405.938	16.123.945,09	15.437	9
53	18/03/2025	248.992.870.119	16.126.163,27	15.440	3
54	19/03/2025	249.667.073.799	16.166.542,14	15.443	3
55	20/03/2025	249.634.243.153	16.161.130,07	15.447	4
56	21/03/2025	249.824.506.524	16.170.525,94	15.449	2
57	24/03/2025	249.952.336.438	16.168.948,17	15.459	10
58	25/03/2025	250.027.224.880	16.170.510,60	15.462	3
59	26/03/2025	250.508.112.652	16.198.278,99	15.465	3
60	27/03/2025	250.180.884.387	16.173.839,45	15.468	3
61	28/03/2025	249.954.958.877	16.155.953,26	15.471	3
62	31/03/2025	250.012.940.310	16.149.863,38	15.481	10
63	01/04/2025	250.202.602.539	16.158.859,71	15.484	3
64	02/04/2025	250.315.818.937	16.163.689,31	15.486	2
65	03/04/2025	250.183.301.379	16.151.929,38	15.489	3
66	04/04/2025	250.498.392.823	16.169.001,85	15.493	4
67	08/04/2025	250.639.999.300	16.165.066,02	15.505	12
68	09/04/2025	250.156.453.843	16.130.616,69	15.508	3
69	10/04/2025	249.723.246.497	16.099.413,44	15.511	3
70	11/04/2025	249.480.890.764	16.080.520,75	15.514	3
71	14/04/2025	248.784.978.510	16.025.948,93	15.524	10
72	15/04/2025	248.921.749.945	16.026.656,51	15.532	8
73	16/04/2025	248.812.860.889	16.016.481,17	15.535	3
74	17/04/2025	248.748.678.625	16.009.192,26	15.538	3
75	18/04/2025	248.937.148.711	16.017.980,03	15.541	3
76	21/04/2025	249.229.960.072	16.027.056,64	15.551	10
77	22/04/2025	249.544.502.983	16.044.030,95	15.554	3
78	23/04/2025	250.663.124.788	16.112.699,68	15.557	3
79	24/04/2025	250.837.469.780	16.120.657,99	15.560	3
80	25/04/2025	250.864.308.698	16.119.135,23	15.563	3
81	28/04/2025	251.168.573.384	16.128.926,18	15.573	10
82	29/04/2025	251.526.472.841	16.149.367,36	15.575	2
83	30/04/2025	252.165.918.003	16.186.509,95	15.579	4
84	01/05/2025	252.216.081.875	16.186.509,95	15.582	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
85	05/05/2025	252.418.290.304	16.186.509,95	15.594	12
86	06/05/2025	252.938.037.322	16.216.598,78	15.597	3
87	07/05/2025	253.445.853.103	16.245.916,85	15.601	4
88	08/05/2025	253.949.028.252	16.274.931,57	15.604	3
89	09/05/2025	254.218.641.337	16.289.382,50	15.606	2
90	12/05/2025	254.376.412.214	16.290.126,41	15.615	9
91	13/05/2025	254.996.476.505	16.326.661,25	15.618	3
92	14/05/2025	255.472.795.933	16.353.980,83	15.621	3
93	15/05/2025	255.607.746.044	16.363.922,47	15.620	(1)
94	16/05/2025	255.846.749.471	16.376.046,77	15.623	3
95	19/05/2025	256.120.879.255	16.383.940,76	15.632	9
96	20/05/2025	256.389.229.051	16.397.980,59	15.635	3
97	21/05/2025	256.839.443.143	16.423.561,48	15.638	3
98	22/05/2025	257.061.397.441	16.434.541,98	15.642	4
99	23/05/2025	257.333.452.844	16.444.624,34	15.648	6
100	26/05/2025	257.393.081.816	16.438.754,97	15.658	10
101	27/05/2025	257.470.086.594	16.440.798,01	15.660	2
102	28/05/2025	257.603.190.878	16.446.090,22	15.663	3
103	29/05/2025	257.915.077.785	16.462.820,56	15.667	4
104	30/05/2025	258.257.635.448	16.481.666,19	15.669	2
105	02/06/2025	258.553.266.893	16.494.151,69	15.675	6
106	02/06/2025	258.603.367.216	16.494.151,69	15.678	3
107	03/06/2025	259.029.218.407	16.518.118,89	15.682	4
108	04/06/2025	259.703.685.241	16.557.934,05	15.685	3
109	05/06/2025	260.097.470.298	16.580.452,17	15.687	2
110	06/06/2025	260.368.695.378	16.594.551,58	15.690	3
111	09/06/2025	260.769.824.101	16.610.551,28	15.699	9
112	10/06/2025	261.142.112.240	16.631.028,21	15.702	3
113	11/06/2025	261.717.839.356	16.664.451,46	15.705	3
114	12/06/2025	262.085.708.306	16.684.837,01	15.708	3
115	13/06/2025	262.321.376.305	16.696.605,15	15.711	3
116	16/06/2025	262.846.408.631	16.720.310,67	15.720	9
117	17/06/2025	262.652.437.461	16.704.777,07	15.723	3
118	18/06/2025	262.724.738.709	16.706.181,79	15.726	3
119	19/06/2025	263.010.035.011	16.721.130,74	15.729	3
120	20/06/2025	263.470.809.395	16.747.143,71	15.732	3
121	23/06/2025	264.331.397.465	16.791.846,78	15.742	10
122	24/06/2025	264.189.225.316	16.779.483,69	15.745	3
123	25/06/2025	264.524.195.684	16.800.551,72	15.745	-
124	26/06/2025	264.720.756.582	16.809.654,34	15.748	3
125	27/06/2025	265.324.641.948	16.844.797,34	15.751	3
126	30/06/2025	265.720.398.819	16.859.944,04	15.760	9
127	01/07/2025	266.256.455.991	16.890.648,11	15.764	4

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	251.333.442.694
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ	
- Mức thấp nhất trong kỳ	-
- Mức cao nhất trong kỳ	16

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	04/01/2026	278.376.870.417	17.068.739,34	16.309	
2	05/01/2026	278.385.126.204	17.062.647,56	16.315	6
3	06/01/2026	278.174.155.549	17.046.569,88	16.318	3
4	07/01/2026	278.290.922.127	17.048.180,55	16.324	6
5	08/01/2026	278.543.027.404	17.062.711,15	16.325	1
6	11/01/2026	278.553.593.901	17.054.189,15	16.333	8
7	12/01/2026	279.168.004.294	17.089.378,13	16.336	3
8	13/01/2026	279.418.403.760	17.099.252,73	16.341	5
9	14/01/2026	279.530.573.305	17.105.130,12	16.342	1
10	15/01/2026	279.880.829.124	17.123.911,08	16.344	2
11	18/01/2026	280.331.816.246	17.140.618,22	16.355	11
12	19/01/2026	280.694.662.641	17.158.949,17	16.358	3
13	20/01/2026	281.132.666.342	17.183.133,19	16.361	3
14	21/01/2026	281.339.857.314	17.189.903,45	16.367	6
15	22/01/2026	281.407.588.904	17.192.716,66	16.368	1
16	25/01/2026	281.616.305.032	17.198.112,13	16.375	7
17	26/01/2026	281.497.639.725	17.184.762,33	16.381	6
18	27/01/2026	281.417.597.662	17.178.461,14	16.382	1
19	28/01/2026	281.343.425.073	17.174.100,34	16.382	-
20	29/01/2026	281.381.385.863	17.167.623,00	16.390	8
21	31/01/2026	281.521.478.185	17.171.909,86	16.394	4
22	01/02/2026	281.574.532.354	17.171.909,86	16.397	3
23	02/02/2026	281.530.210.099	17.164.563,83	16.402	5
24	03/02/2026	281.564.897.022	17.167.171,13	16.401	(1)
25	04/02/2026	281.913.337.297	17.180.944,65	16.408	7
26	05/02/2026	281.724.079.209	17.167.053,46	16.411	3
27	08/02/2026	282.089.447.223	17.183.783,45	16.416	5
28	09/02/2026	281.972.304.682	17.174.961,40	16.418	2
29	10/02/2026	281.076.591.670	17.121.698,51	16.416	(2)
30	11/02/2026	281.532.570.444	17.140.482,56	16.425	9
31	12/02/2026	281.605.490.779	17.141.934,33	16.428	3
32	17/02/2026	282.101.343.820	17.156.593,53	16.443	15
33	22/02/2026	282.371.287.614	17.156.593,53	16.458	15
34	23/02/2026	282.187.649.080	17.149.576,75	16.454	(4)
35	24/02/2026	282.350.636.531	17.156.304,87	16.458	4
36	25/02/2026	282.522.508.088	17.163.098,05	16.461	3
37	26/02/2026	282.278.360.750	17.138.542,52	16.470	9
38	28/02/2026	282.598.638.998	17.145.214,86	16.483	13
39	01/03/2026	282.652.395.476	17.145.214,86	16.486	3

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND	
40	02/03/2026	282.722.561.306	17.146.186,29	16.489	3	
41	03/03/2026	283.152.170.853	17.168.956,13	16.492	3	
42	04/03/2026	283.249.408.190	17.171.569,62	16.495	3	
43	05/03/2026	283.097.025.391	17.159.049,40	16.498	3	
44	08/03/2026	283.361.890.119	17.165.261,58	16.508	10	
45	09/03/2026	283.140.084.536	17.148.545,74	16.511	3	
46	10/03/2026	283.676.649.543	17.177.769,24	16.514	3	
47	11/03/2026	283.551.460.697	17.166.910,93	16.517	3	
48	12/03/2026	283.664.381.246	17.170.470,70	16.520	3	
49	15/03/2026	283.947.698.153	17.179.073,38	16.529	9	
50	16/03/2026	283.944.970.317	17.175.901,33	16.532	3	
51	17/03/2026	284.492.960.768	17.206.042,41	16.534	2	
52	18/03/2026	284.425.099.005	17.198.890,43	16.537	3	
53	19/03/2026	284.169.698.173	17.180.277,35	16.540	3	
54	22/03/2026	283.934.928.519	17.156.891,93	16.549	9	
55	23/03/2026	283.609.235.756	17.134.314,73	16.552	3	
56	24/03/2026	283.342.336.792	17.115.033,80	16.555	3	
57	25/03/2026	282.015.267.740	17.031.782,73	16.558	3	
58	26/03/2026	281.400.150.265	16.992.380,67	16.560	2	
59	29/03/2026	280.338.273.716	16.917.896,93	16.571	11	
60	30/03/2026	280.016.887.420	16.897.253,53	16.572	1	
61	31/03/2026	279.755.559.084	16.878.288,13	16.575	3	
62	01/04/2026	278.095.371.266	16.774.910,69	16.578	3	
63	02/04/2026	278.044.835.330	16.768.647,21	16.581	3	
64	05/04/2026	277.807.981.689	16.744.718,97	16.591	10	
65	06/04/2026	277.928.861.071	16.748.113,57	16.595	4	
66	07/04/2026	277.495.560.953	16.718.444,36	16.598	3	
67	08/04/2026	277.240.695.231	16.699.875,17	16.601	3	
68	09/04/2026	277.203.823.253	16.695.348,08	16.604	3	
69	12/04/2026	278.312.211.971	16.751.547,98	16.614	10	
70	13/04/2026	278.502.563.749	16.758.216,16	16.619	5	
71	14/04/2026	278.928.835.177	16.780.630,34	16.622	3	
72	15/04/2026	278.794.337.557	16.769.471,00	16.625	3	
73	16/04/2026	278.918.409.152	16.773.700,37	16.628	3	
74	19/04/2026	279.139.326.832	16.777.289,12	16.638	10	
75	20/04/2026	279.617.982.456	16.802.828,42	16.641	3	
76	21/04/2026	279.553.864.483	16.795.745,70	16.644	3	
77	22/04/2026	279.219.218.222	16.772.570,70	16.647	3	
78	23/04/2026	279.330.139.425	16.777.459,84	16.649	2	
79	27/04/2026	279.351.072.747	16.764.226,47	16.664	15	
80	28/04/2026	278.506.359.785	16.710.368,11	16.667	3	
81	30/04/2026	277.391.626.601	16.637.251,36	16.673	6	
82	03/05/2026	277.553.013.247	16.637.251,36	16.683	10	
83	04/05/2026	277.778.821.091	16.652.047,28	16.681	(2)	
84	05/05/2026	277.636.268.991	16.639.174,99	16.686	5	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
85	06/05/2026	277.640.826.380	16.636.240,27	16.689	3
86	07/05/2026	277.763.181.866	16.640.364,45	16.692	3
87	10/05/2026	278.032.148.824	16.645.903,20	16.703	11
88	11/05/2026	278.218.560.764	16.656.569,15	16.703	-
89	12/05/2026	278.427.865.835	16.665.942,12	16.706	3
90	13/05/2026	279.343.105.313	16.717.572,42	16.710	4
91	14/05/2026	279.333.014.049	16.713.814,62	16.713	3
92	17/05/2026	279.418.963.965	16.709.498,93	16.722	9
93	18/05/2026	279.576.799.003	16.714.242,71	16.727	5
94	19/05/2026	279.432.105.465	16.702.441,18	16.730	3
95	20/05/2026	279.595.046.638	16.709.030,94	16.733	3
96	21/05/2026	280.003.549.209	16.731.692,20	16.735	2
97	24/05/2026	280.099.589.030	16.726.101,26	16.746	11
98	25/05/2026	279.605.017.120	16.699.384,09	16.743	(3)
99	26/05/2026	279.520.376.045	16.685.914,30	16.752	9
100	27/05/2026	279.502.545.257	16.681.704,34	16.755	3
101	28/05/2026	279.642.255.160	16.685.899,99	16.759	4
102	31/05/2026	279.730.665.235	16.681.763,80	16.769	10
103	01/06/2026	279.730.273.797	16.678.602,53	16.772	3
104	02/06/2026	279.635.465.236	16.669.811,89	16.775	3
105	03/06/2026	279.358.643.130	16.650.584,65	16.778	3
106	04/06/2026	279.068.927.009	16.630.209,88	16.781	3
107	07/06/2026	279.096.537.486	16.622.542,19	16.790	9
108	08/06/2026	279.098.861.355	16.620.090,41	16.793	3
109	09/06/2026	278.970.565.959	16.609.319,54	16.796	3
110	10/06/2026	279.049.023.129	16.608.921,78	16.801	5
111	11/06/2026	278.682.923.849	16.583.997,61	16.804	3
112	14/06/2026	278.864.890.599	16.585.433,59	16.814	10
113	15/06/2026	278.330.310.534	16.553.134,03	16.814	-
114	16/06/2026	277.034.270.931	16.472.917,98	16.818	4
115	17/06/2026	277.031.930.285	16.470.073,21	16.820	2
116	18/06/2026	276.889.624.708	16.458.491,30	16.824	4
117	21/06/2026	277.025.363.151	16.457.198,64	16.833	9
118	22/06/2026	277.177.236.939	16.463.102,63	16.836	3
119	23/06/2026	276.619.288.536	16.426.842,51	16.839	3
120	24/06/2026	276.801.273.906	16.437.153,68	16.840	1
121	25/06/2026	276.930.627.691	16.441.675,09	16.843	3
122	28/06/2026	277.278.388.354	16.452.973,33	16.853	10
123	29/06/2026	276.992.901.521	16.432.918,53	16.856	3
124	30/06/2026	276.595.673.500	16.406.256,72	16.859	3
125	01/07/2026	276.465.753.028	16.395.434,49	16.862	3

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

280.065.264.478

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- Mức thấp nhất trong kỳ

-

- Mức cao nhất trong kỳ

15

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB****Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

21 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Số cuối kỳ CCQ	Số đầu năm CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	16.406.256,72	17.068.739,34

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày tại phần ghi chú của Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại Diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	1.894.717.262	1.719.708.431
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	1.666.707.560	1.495.717.354
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	226.714.574	223.991.077
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	1.295.128	-
Phí ngân hàng	502.884	1.001.074
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	502.884	1.001.074
Lãi tiền gửi	79.927.547	105.482.494
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	79.927.547	105.482.494

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU MB**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	62.595.892
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	62.595.892
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	274.236.283	283.273.481
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	274.236.283	283.273.481
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	37.338.817	37.326.807
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	37.338.817	37.326.807
Tiền gửi thanh toán	761.554.722	940.797.260
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	761.554.722	940.797.260
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	358.849.169	217.580.158
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	358.849.169	217.580.158
Tiền gửi có kỳ hạn	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	20.000.000.000
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ		
	Kỳ này	Kỳ trước*
	VND	VND
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ	66.000.000	66.000.000

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ kế toán và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ đầu tư.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.


Nguyễn Thị Minh Lê
Người lập


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

